ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮKLẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 881/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể giai đoạn 2015-2020 của Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TỈNH ĐẮK LẮK
ĐẾN Số: 36
Ngày 06/4/2016
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, ngày 23/4/2013 của Chính phủ, về việc quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ; Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT, ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, ngày 23/4/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-TTg ngày 13/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh mục Dự án "Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam" vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT, ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án "Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam";

Căn cứ Quyết định số 4229/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB);

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 47/TTr-SNN, ngày 21/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch Lựa chọn nhà thầu tổng thể giai đoạn 2015-2020 của Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB), chi tiết như phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo Ban quản lý Dự án Chuyển

đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp&PTNT(b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, NN&MT;
- Lưu VT, NN&MT (Đg-25b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Y Dhăm Ênuôl

Phụ lục:

KẾ HOẠCH LỰU CHỌN NHÀ THẦU

Phần công việc do Ban quản lý dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk thực hiện.

(Kèm theo Quyết định số 881 /QĐ-UBND ngày 01 /4/2016 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Giá gói thầu (1000 USD)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Hợp phần
I	**Các công việc không áp dụng một trong những hình thức lựa chọn nhà thầu**	**3.894**							
1	Chi phí hoạt động	295	IDA						C, D
2	Đào tạo & Hội thảo	170	IDA						C, D
3	Hội thảo đầu bờ	2.050	IDA , Vốn Chính phủ						C
4	Điểm trình diễn	952	IDA, tư nhân						C
5	Chi phí thường xuyên	427	IDA, Vốn Chính phủ						D
II	**Công việc đấu thầu (KH 18 tháng)**	**766**							
1	**Xây lắp**	**305**							
1.1	Nâng cấp vườn ươm (XL11)	260	IDA	NCB	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy II, III/2016	Theo đơn giá	6 tháng	C
1.2	Nâng cấp văn phòng (XL12)	45	IDA	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy II, III/2016	Trọn gói	5 tháng	C

2	**Hàng hóa & Thiết bị**	**85**							
2.1	Thiết bị văn phòng (HH30)	39	IDA	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy II, III/2016	Trọn gói	1 tháng	C, D
2.2	Trang thiết bị phòng thí nghiệm (HH31)	46	IDA	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy III, IV/2016	Trọn gói	1 tháng	C
3	**Dịch vụ tư vấn**	**376**							
3.1	Đánh giá độc lập về sự áp dụng của nông dân (CQS05)	125	IDA	CQS	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy II, III/2016	Trọn gói	12/2016-12/2020	C
3.2	Chuyên gia trong nước về Phát triển cà phê bền vững và kế hoạch tái canh cà phê (CQS06)	75	IDA	CQS	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy II, III/2016	Trọn gói	12/2016-12/2020	C
3.3	Tư vấn củng cố và phát triển chiến lược truyền thông (IC07)	30	IDA	IC	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy II, III/2016	Theo thời gian	12/2016-12/2018	C
3.4	Tư vấn kỹ thuật (IC08)	120	IDA	IC	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Qúy II, III/2016	Theo thời gian	12/2016-12/2020	D
3.5	Tư vấn khảo sát lập Báo cáo KTKT xây dựngcộng trình	12	Vốn Chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Qúy II, III/2016	Trọn gói	3 tháng	C
3.6	Tư vấn thẩm tra bản vẽ thi công và dự toán... xây dựng công trình	2	Vốn Chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Qúy II, III/2016	Trọn gói	1 tháng	C
3.7	Tư vấn Giám sát thi công xây dựng công trình	9	Vốn Chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Qúy III, IV/2016	Trọn gói	6 tháng	C
3.8	Kiểm toán công trình	3	Vốn Chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Qúy III/2017	Trọn gói	1 tháng	C
III	**Phần công việc chưa áp dụng được đấu thầu**	**7.929**							
1	Cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất quy mô nhỏ	2.000	IDA, tư nhân						C

2	Trang thiết bị sơ chế thiết yếu quy mô nhỏ	2.082	IDA, tư nhân						C
3	Mô hình tưới tiết kiệm nước	2.740	IDA, tư nhân						C
4	Hàng hóa và thiết bị cho tổ HT&HTX	138	IDA, tư nhân						C
5	Nâng cấp vườn ươm tư nhân	495	IDA, tư nhân						C
6	Vốn đối ứng (Chi trả cho tư vấn công trình, khảo sát thiết kế, đền bù đất đai…)	474	Vốn Chính phủ						C
	Tổng I+II+III	**12.589**							

(Tổng số tiền bằng chữ: Mười hai triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn USD).

NCB: Đấu thầu cạnh tranh trong nước.
SH: Chào hang cạnh tranh.
CQS: Tuyển chọn tư vấn theo năng lực.
IC: Tuyển chọn tư vấn cá nhân.